TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 21-7-2021
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng

2. Ông Nguyễn Thanh Hải

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Mai Văn Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ - tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2021/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1975; Địa chỉ: Khu A, thị trấn T, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1976; Địa chỉ: Khu A, thị trấn Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

(Anh K có mặt, chị M vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn K trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị M trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Tứ Lộc, tỉnh Hải Hưng (nay là xã C, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương) ngày 21/4/1995. Sau ngày cưới vợ chồng ăn ở chung với bố mẹ anh được 01 tháng thì ăn giêng nhưng vẫn ở chung nhà, cả hai đều lao động tự do. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2017, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không thống nhất được với nhau trong mọi việc, chị M sống không chung thủy với anh, đi ngoại tình

với người đàn ông khác, anh cũng đã khuyên giải nhưng chị M vẫn không thay đổi, dẫn đến vợ chồng liên tục xảy ra cãi nhau. Từ tháng 12/2017 vợ chồng đã sống ly thân, tuy sống cùng một nhà nhưng không ai có trách với ai, việc của ai người đó làm. Nay anh xác định không còn tình cảm gì với chị M nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị M.

Về con chung: Anh và chị M có ba con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 15/11/1995; Nguyễn Thị T, sinh ngày 20/3/1998 và Nguyễn Thị O, sinh ngày 04/5/2000. Hiện nay cả ba con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai chị Nguyễn Thị M là bị đơn trình bầy: Chị và anh Nguyễn Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Tứ Lộc, tỉnh Hải Hưng (nay là xã C, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương) ngày 21/4/1995. Vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh K sống không có trách nhiệm tới gia đình, sống không chung thủy với chị, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, anh chị đã sống ly thân từ tháng 12/2017 cho tới nay, không ai quan tâm gì tới ai. Nay anh K xin ly hôn với chị, chị không đồng ý ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị và anh Kiều có 3 con như anh K trình bày là đúng, các con của chị đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Thị M: Tại biên bản xác minh ngày 26/5/2021, đại diện lãnh đạo thị trấn Tứ Kỳ cùng các đoàn thể và lãnh đạo thôn khu A xác nhận: Anh K và chị M được tự do tìm hiểu tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo luật định. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nghi ngờ nhau về tình cảm vợ chồng thực tế vợ chồng đã sống ly thân. Nay anh K khởi kiện xin ly hôn chị M, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập, nhưng chị M cũng không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã tiến hành các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật nhưng chị M không đến tham gia nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 05/7/2021, bị đơn là chị Nguyễn Thị M đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa: Anh K vẫn giữ nguyên yêu cầu giải quyết ly hôn chị M; chị Nguyễn Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của BLTTDS. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự; Tại phiên tòa, chị M vắng mặt lần thứ hai không có lý do, HĐXX đã căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật. Việc xét xử tại Tòa đã thực hiện đúng trình tự theo luật định. Hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của BLTTDS; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn K về xin ly hôn chị Nguyễn Thị M; về án phí: Anh K phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là chị Nguyễn Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ các điều 227, 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Tứ Lộc, tỉnh Hải Hưng (nay là xã C, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương) ngày 21/4/1995. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Kiều và chị My là hôn nhân hợp pháp.

[3] Anh Kiều trình bày nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là tính cách của hai người không hợp nhau, quan điểm bất đồng, chị M ngoại tình. Còn chị M cho rằng anh K sống không có trách nhiệm tới gia đình, sống không chung thủy với chị nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, nhưng anh K và chị M cũng không xuất trình được chứng cứ, tài liệu nào thể hiện việc chị M, anh K có quan hệ ngoại tình. Song cả anh K và chị M đều khẳng định anh chị không còn tình cảm với nhau, dù sống cùng nhà nhưng không ở cùng phòng, không ăn chung và không ai còn quan tâm đến ai thực tế anh chị đã sống ly thân từ tháng 12/2017 cho tới nay.

Như vậy, trong cuộc sống thể hiện anh chị có sự bất đồng quan điểm sống, không có niềm tin đối với nhau, đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng, không có sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau.

[4] Tuy nhiên, anh K xin ly hôn, chị M không đồng ý ly hôn. HĐXX thấy mặc dù chị M không đồng ý ly hôn nhưng chị khẳng định không còn tình cảm với anh K nữa và thực tế chị M không có biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ hôn nhân giữa chị và anh K,

quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành hòa giải nhằm mục đích giúp vợ chồng anh chị đoàn tụ, nhưng chị M đều không đến tham gia hòa giải.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hôn nhân của anh K và chị M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại các điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn K, xử cho anh K được ly hôn với chị M.

[6] Về con chung, về tài sản chung: Anh K, chị M không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Anh K khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều: 19, 21, 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn K, xử cho anh Nguyễn Văn K ly hôn chị Nguyễn Thị M.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sơ thẩm (Hôn nhân gia đình) được đối trừ số tiền anh đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0010067 ngày 12/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA DS huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Văn Tú